

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 19/03/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN – BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lãnh Văn Việt.

2/ Ông Ninh Văn Trung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/HSST- QĐ ngày 04 tháng 03 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tô Văn L**, sinh năm 1995.

Sinh, trú quán: thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trình độ văn hoá: Lớp 09/12.

Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Chức vụ, đảng đoàn thể: Không.

Bố đẻ: Tô Văn B1, sinh năm 1967.

Mẹ đẻ: Trần Thị V1, sinh năm 1967.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án.

Tại bản án số 59/2016/HSST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt Tô Văn L 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.025.000đ) và 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (giá trị tài sản là 27.000.000đ). Tổng hợp hình phạt buộc Tô Văn L chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2016. Buộc Tô Văn L bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 40.025.000 đồng. Ngày 28/3/2018, Tô Văn L chấp hành xong án phạt tù, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, chưa chấp hành xong tiền bồi thường. Tính đến thời điểm phạm tội chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại từ đầu đến nay (Có mặt).

- **Người bị hại:** Anh Lưu Văn B, sinh năm 1991.

Trú quán: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

-**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Trương Văn H, sinh năm 1972.

Trú quán: thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2/ Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1995.

Trú quán: thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978.

Trú quán: Phố Đ, thị trấn Đ, Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

4/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

Trú quán: thôn A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

-**Người làm chứng:** Anh Trần Văn S, sinh năm 1986.

Trú quán: thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tô Văn L, sinh ngày 15/01/1995, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang có quan hệ họ hàng với anh Lưu Văn B, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (mẹ bị cáo L là em gái ruột của mẹ anh B). Khoảng 19 giờ ngày 02/11/2019, Tô Văn L gọi điện rủ anh Lưu Văn B đi chơi, anh B nhất trí. Đến 20 giờ cùng ngày, anh B gọi điện thoại lại cho L hỏi L đang ở đâu thì L nói đang ở quán Internet ở thôn Đ. Khoảng 20 phút sau anh B điều khiển chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn vàng đen, biển số 98B1-949.37 đi đến Internet ở thôn Đoàn Kết, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn gặp L. Tại đây L có nhờ anh B chở về nhà lấy tiền, anh B đồng ý và điều khiển xe mô tô chở L về nhà L. Khi đi đến đường rẽ vào nhà L thì L bảo anh B “Anh dừng xe lại cho em mượn xe đi về nhà”. Anh B đồng ý giao chiếc xe mô tô của mình cho L mượn và đứng đợi L ở ngoài đường. Còn L sau khi mượn được xe mô tô của anh B, trên đường đi vào nhà L nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh B đến nhà anh Trương Văn H, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã Q, huyện L cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trên đường đến nhà anh H, khi đi đến ngã tư thôn T, xã Q thì L gặp anh Hoàng Văn M, sinh năm 1995, trú tại thôn Số 3, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn (là bạn học cùng cấp 2 với L) đang ngồi uống nước tại quán ven đường. Khi gặp M thì L có rủ M đi cùng, M hỏi “đi đâu” thì L nói “đi cùng tôi có chút việc”, M đồng ý ngồi lên xe đi cùng L. Khi đến nhà anh H, L dựng xe mô tô ở sân bảo M đứng đợi, còn L đi vào trong nhà thì có anh Trần Văn S, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã Q, huyện L đang ngồi chơi cùng anh H, L hỏi vay anh H số tiền 30.000.000 đồng, L sẽ để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 98B1-949.37 cùng đăng ký xe mô tô số 106334 mang tên Nguyễn Văn C, L nói là tài sản của mình để làm tin. Anh H nhất trí. Sau khi thỏa thuận xong, anh H viết giấy vay tiền có chữ ký của L và anh H. Số tiền cầm cố xe mô tô L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đối với anh Lưu Văn B, sau khi cho L mượn xe mô tô, anh B chờ không thấy L quay lại nên anh B đã đi bộ về nhà. Sau đó anh B nhiều lần đến nhà tìm và liên lạc qua điện thoại với L nhưng L đều không có mặt ở nhà và không liên

lạc được. Đến ngày 09/12/2019, anh B đã làm đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn và giao nộp 01 giấy mua bán xe tại cửa hàng xe máy Văn Nho để phục vụ điều tra.

Ngày 10/12/2019 và ngày 05/02/2020 sau khi biết chiếc xe mô tô L để lại làm tin là do phạm tội mà có, anh Trương Văn H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airbalde, màu sơn vàng - đen, biển số 98B1-949.37; 01 chứng nhận giấy đăng ký xe mô tô số 106334 mang tên Nguyễn Văn C; 01 khóa xe mô tô bằng kim loại, phần nhựa màu đen có chữ Honda và 01 giấy vay tiền.

Ngày 10/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với xe mô tô mà L chiếm đoạt. Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐ ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Ngạn, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airbalde, màu sơn vàng - đen, biển số 98B1-949.37 giá trị ở thời điểm chiếm đoạt là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Ngày 13/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã cho anh Trương Văn H, Trần Văn S nhận dạng qua ảnh người đã đến cầm cố chiếc xe mô tô biển số 98B1-949.37 cho anh H. Kết quả anh H, anh S nhận ra người cầm cố chiếc xe mô tô trên là Tô Văn L.

Đối với anh Hoàng Văn M là người đi cùng Tô Văn L đến nhà anh Trương Văn H, quá trình điều tra xác định M không được bàn bạc, không tham gia và không biết gì về việc L chiếm đoạt xe mô tô trên của anh Lưu Văn B mang đến cầm cố cho anh H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Trương Văn H là người cầm cố chiếc xe mô tô biển số 98B1-949.37, quá trình điều tra xác định khi cầm cố chiếc xe mô tô trên L nói là xe của mình, anh H không biết đó là xe do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng: Ngày 30/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu vàng đen, biển số 98B1 – 949.37, 01 chứng nhận giấy đăng ký xe mô tô số 106334 mang tên Nguyễn Văn C, 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại, phần nhựa màu đen có chữ Honda cho anh Lưu Văn B là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lưu Văn B đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Trương Văn H yêu cầu Tô Văn L trả lại anh số tiền 30.000.000 đồng đã vay.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-LN, ngày 29 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn truy tố bị cáo Tô Văn L về hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi và luận tội cũng như lời nói sau cùng bị cáo Tô Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu là không oan sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai, đơn trình báo của anh Lưu Văn Bảo là người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Văn H, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C và người làm chứng anh Trần Văn S có trong hồ sơ hoàn toàn trùng khớp với lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo cũng như người bị hại,

những người liên quan, làm chứng đều không khiếu nại đối với các Cơ quan và những người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, tính chất vụ án và giữ nguyên Quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Tô Văn L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

□p dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tô Văn L với mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tô Văn L phải trả lại cho anh Trương Văn H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tô Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên Tòa bị cáo Tô Văn L, người bị hại, những người liên quan và người làm chứng không khiếu kiện, khiếu nại về hành vi Quyết định của các Cơ quan và những người tiến hành tố tụng như vậy là hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 02/11/2019, tại thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Tô Văn L đã hỏi mượn của anh Lưu Văn B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu vàng đen, biển số 98B1-949.37 để đi về nhà. Sau khi mượn được xe mô tô của anh Lưu Văn B, Tô Văn L đã nảy sinh mục đích chiếm đoạt mang đi cầm cố cho anh Trương Văn H với số tiền 30.000.000 đồng sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐ ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn, kết luận: 01 xe mô tô của anh Lưu Văn B nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn vàng - đen, biển số 98B1-949.37 giá trị ở thời điểm chiếm đoạt là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai và đơn trình báo của người bị hại, phù hợp với tang chứng, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và bản ảnh nhận dạng.

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo Tô Văn L đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật an ninh ở địa phương xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân nên phải lên một mức hình phạt thật nghiêm để dẫn đe và phòng ngừa chung.

[3] Đánh giá, nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trước hành vi phạm tội lần này bị cáo Tô Văn L cũng đã từng có 01 tiền án, tại bản án số 59/2016/HSST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt Tô Văn L 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.025.000đ) và 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (giá trị tài sản là 27.000.000đ). Tổng hợp hình phạt buộc Tô Văn L chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2016. Buộc Tô Văn L bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 40.025.000 đồng. Ngày 28/3/2018, Tô Văn L chấp hành xong án phạt tù, chấp hành xong án phí HSST, nhưng chưa chấp hành xong tiền bồi thường.

Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo Tô Văn L là tái phạm, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân thì thấy: Bị cáo Tô Văn L là thanh niên tuổi đời còn trẻ con em người dân lao động, nhưng không chịu lao động trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, mà ngược lại sớm vi phạm pháp luật.

Bị cáo cũng đã từng xét xử về nhóm tội danh này, nhưng không lấy đó là bài học cần rút kinh nghiệm mà thể hiện là coi thường pháp luật, cần phải xử phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất mức độ bị cáo gây lên. Lên áp dụng biện pháp cách ly bị cáo Tô Văn L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là rất cần thiết.

[4] Trong vụ án này còn có đối tượng như: Anh Hoàng Văn M là người đi cùng Tô Văn L đến nhà anh Trương Văn H, nhưng quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác định M không được bàn bạc, không tham gia và không biết gì về việc L chiếm đoạt xe mô tô của anh Lưu Văn Bảo mang đến cầm cố cho anh H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xử lý là có căn cứ.

Còn đối với anh Trương Văn H là người cầm cố chiếc xe mô tô biển số 98B1-949.37, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác định khi cầm cố chiếc xe mô tô của bị cáo Tô Văn L, anh Trương Văn H không hề biết đó là xe do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000đ... Xét thấy bị cáo không có thu nhập, sống hoàn toàn phụ thuộc gia đình bố mẹ, nên chưa cần phải áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Bồi thường dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 98B1-949.37 cho anh Lưu Văn B là người bị hại, tại phiên tòa anh B không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Nhưng đối với chiếc xe mô tô trên bị cáo Tô Văn L mượn của anh Lưu Văn B, đem cầm cho anh Trương Văn H được số tiền 30.000.000 đồng rồi chi tiêu cá

nhân hết. Quá trình điều tra anh Trương Văn H yêu cầu đề nghị bị cáo phải trả lại số tiền trên. Xét thấy khi cầm cố chiếc xe mô tô của bị cáo L, anh Trương Văn H không hề biết đó là xe do phạm tội mà có, nên cần chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh H. Buộc bị cáo Tô Văn L phải trả lại cho anh Trương Văn H số tiền trên là 30.000.000 đồng.

[7] Vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu vàng đen, biển số 98B1 – 949.37, 01 chứng nhận giấy đăng ký xe mô tô số 106334 mang tên Nguyễn Văn C, 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại, phần nhựa màu đen có chữ Honda xác định lịch sử như sau: Chiếc xe mô tô trên có nguồn gốc trước đây là của anh Nguyễn Văn C, trú tại thôn A, thị trấn V, huyện L sau anh C bán cho anh Nguyễn Văn L, trú tại phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, anh L lại bán chiếc xe mô tô trên cho anh Lưu Văn B thôn T, xã H, huyện L vào khoảng năm 2018 với số tiền là 30.000.000 đồng. xác định của anh Lưu Văn B.

Quá trình điều tra đã thu giữ được toàn bộ vật chứng nêu trên, ngày 30/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã trả lại cho anh Lưu Văn B là chủ sở hữu hợp pháp. Tại phiên tòa anh B không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Án phí: Bị cáo Tô Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, những người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Tô Văn L **02(Hai)** năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc Tô Văn L phải trả lại cho anh Trương Văn H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 6; Điều 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tô Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- THADS; HS huyện Lục Ngạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Khúc Văn Bằng